

Số: **2345** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **07** tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính
đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến
trên môi trường điện tử giai đoạn 2023-2024 (đợt 2)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm
2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải
quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của
Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của
cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch
vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện
pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực
hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn Thành phố năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Báo cáo số 5555/BC-VP ngày 07 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục

Quyết định này phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023-2024 (đợt 2).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và thực hiện giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Điều 23 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục chuyển đổi số);
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, KSTT/Tr. 03.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình giai đoạn 2023-2024 (đợt 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1345** QĐ-UBND ngày **07** tháng **6** năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|--|---|------------------------|
| Thủ tục hành chính cấp tỉnh | | |
| <i>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</i> | | |
| 1. | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 2. | Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 3. | Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</i> | | |
| 4. | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài</i> | | |
| 5. | Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ</i> | | |
| 6. | Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 7. | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 8. | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ | Sở Giáo dục và Đào tạo |

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|---------------------------------------|--|-------------------------------------|
| <i>Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</i> | | |
| 9. | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp Tỉnh | Sở Nội vụ |
| 10. | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội (cấp tỉnh) | Sở Nội vụ |
| <i>Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng</i> | | |
| 11. | Thủ tục tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố về công trạng và thành tích trong thực hiện nhiệm vụ, công tác | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 12. | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 13. | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 14. | Thủ tục tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với công nhân, nông dân, người lao động | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 15. | Thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành tích dẫn đầu cụm, khối thi đua | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 16. | Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 17. | Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 18. | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 19. | Thủ tục tặng Cờ Truyền thống của Ủy ban nhân dân Thành phố | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 20. | Thủ tục tặng Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh | Ban Thi đua - Khen thưởng |

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|--------------------------|--|-------------------------------------|
| | | Thành phố |
| 21. | Thủ tục gắn biển công trình chào mừng các ngày lễ lớn trên địa bàn Thành phố | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| 22. | Thủ tục công nhận gương điển hình tiên tiến cấp Thành phố | Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố |
| <i>Lĩnh vực Đường bộ</i> | | |
| 23. | Thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | Sở Giao thông vận tải |
| 24. | Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ | Sở Giao thông vận tải |
| 25. | Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | Sở Giao thông vận tải |
| 26. | Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) | Sở Giao thông vận tải |
| 27. | Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) | Sở Giao thông vận tải |
| 28. | Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô | Sở Giao thông vận tải |
| 29. | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng | Sở Giao thông vận tải |
| 30. | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng | Sở Giao thông vận tải |

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|---|--|--|
| <i>Lĩnh vực Du lịch</i> | | |
| 31. | Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch | Sở Giao thông vận tải |
| 32. | Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch | Sở Giao thông vận tải |
| <i>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</i> | | |
| 33. | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| <i>Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</i> | | |
| 34. | Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| 35. | Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| 36. | Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| <i>Lĩnh vực Lao động</i> | | |
| 37. | Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp | Ban Quản lý các Khu chế xuất – Khu công nghiệp |
| <i>Lĩnh vực Việc làm</i> | | |
| 38. | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động | Ban Quản lý các Khu chế xuất – Khu công nghiệp |
| 39. | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | Ban Quản lý các Khu chế xuất – Khu |

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|--|--|--|
| | | công nghiệp |
| 40. | Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | Ban Quản lý các Khu chế xuất – Khu công nghiệp |
| <i>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</i> | | |
| 41. | Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm | Ban Quản lý An toàn thực phẩm |
| 42. | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (Trường hợp bị mất hoặc bị hỏng; thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh) | Ban Quản lý An toàn thực phẩm |
| <i>Thủ tục hành chính cấp huyện</i> | | |
| <i>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</i> | | |
| 1. | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</i> | | |
| 2. | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài | Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| 3. | Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học | Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ</i> | | |
| 4. | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc | Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| 5. | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ | Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Giáo dục mầm non</i> | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|---------------------------------------|---|----------------------|
| 6. | Thủ tục thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục | UBND cấp huyện |
| 7. | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | UBND cấp huyện |
| <i>Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</i> | | |
| 8. | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp huyện | UBND cấp huyện |
| <i>Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng</i> | | |
| 9. | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị | UBND cấp huyện |
| 10. | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề | UBND cấp huyện |
| 11. | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích đợt xuất | UBND cấp huyện |
| 12. | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở | UBND cấp huyện |
| 13. | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến | UBND cấp huyện |
| 14. | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến | UBND cấp huyện |
| <i>Lĩnh vực Đường bộ</i> | | |
| 15. | Thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | UBND cấp huyện |
| 16. | Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | UBND cấp huyện |
| <i>Thủ tục hành chính cấp xã</i> | | |
| <i>Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng</i> | | |
| 1. | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị | UBND cấp xã |

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|-----|--|----------------------|
| 2. | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề | UBND cấp xã |
| 3. | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thành tích đợt xuất | UBND cấp xã |
| 4. | Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến | UBND cấp xã |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần giai đoạn 2023-2024 (đợt 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2345** QĐ-UBND ngày **07** tháng **6** năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|---|---|-------------------------------|
| Thủ tục hành chính cấp tỉnh | | |
| <i>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</i> | | |
| 1. | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 2. | Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Giáo dục trung học</i> | | |
| 3. | Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</i> | | |
| 4. | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| <i>Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân</i> | | |
| 5. | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 6. | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | Sở Khoa học và Công nghệ |
| <i>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</i> | | |
| 7. | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống | Ban Quản lý An toàn thực phẩm |
| 8. | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm | Ban Quản lý An toàn thực phẩm |

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|--|--|-------------------------------|
| 9. | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản | Ban Quản lý An toàn thực phẩm |
| 10. | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) | Ban Quản lý An toàn thực phẩm |
| <i>Lĩnh vực Dược phẩm</i> | | |
| 11. | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc | Sở Y tế ¹ |
| Thủ tục hành chính cấp huyện | | |
| <i>Lĩnh vực Giáo dục mầm non</i> | | |
| 1. | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục | Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Giáo dục tiểu học</i> | | |
| 2. | Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục | UBND cấp huyện |
| <i>Lĩnh vực Giáo dục trung học</i> | | |
| 3. | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục | UBND cấp huyện |
| 4. | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục | Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| <i>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</i> | | |
| 5. | Quy trình đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã | UBND cấp huyện |
| Thủ tục hành chính cấp xã | | |
| <i>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</i> | | |
| 1. | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | UBND cấp xã |
| 2. | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | UBND cấp xã |

¹ Thay thế STT 47 Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

| STT | Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|------------|---|------------------------------|
| 3. | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại | UBND cấp xã |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ